

Bản án số: 12/2025/HS-PT

Ngày: 10/01/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phùng Anh Dũng**

Các Thẩm phán: bà **Võ Thị Ngọc Dung**

bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Phương Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đặng Thọ Định**- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 596/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo **Nguyễn Hữu T** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số **88/2024/HS-ST** ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2426/2024/QĐXXPT-HS ngày 19 tháng 12 năm 2024

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN HỮU T** - sinh ngày 02/11/1964 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **Số A T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở: thôn H, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Nguyễn Hữu T1** (chết) và con bà: **Dương Thị L**; vợ: **Nguyễn Thị O**; con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam tại Trại tạm giam - **Công an tỉnh Q** từ ngày 15/5/2023 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân:

- Ngày 24/7/1991, bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 04 (B) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa*” theo Bản án số: 58C/HSPT. Bị cáo T đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 27/4/2020, bị Công an huyện L, tỉnh Lâm Đồng xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, bằng hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 06/QĐ-XPVHHC. Ngày 16/6/2020, bị cáo T đã chấp hành nộp phạt xong.

* *Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Nguyễn Hữu T*: Luật sư Trần Thị H – Văn phòng L2 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Số A đường P, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Hữu T tham gia nghĩa vụ quân sự năm 1982 đến năm 1985 xuất ngũ, hiện không nghề nghiệp ổn định. Để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo T đưa ra thông tin gian dối về việc mình có mối quan hệ với nhiều lãnh đạo có chức vụ trong quân đội, có khả năng xin chuyển công tác, xin cho người khác không thực hiện nghĩa vụ quân sự. Những ai có nhu cầu thì đưa tiền để bị cáo T chạy việc theo nguyện vọng.

Với phương thức, thủ đoạn gian dối như trên từ tháng 09/2021 đến tháng 10/2022, bị cáo Nguyễn Hữu T đã chiếm đoạt tiền của nhiều người bị hại với tổng số tiền **514.000.000đồng**. Sau khi chiếm đoạt được tiền, bị cáo T không thực hiện theo cam kết mà sử dụng số tiền trên để tiêu xài cá nhân, cụ thể:

1. Đối với Võ Thanh X, C:

1.1. Anh Nguyễn Quốc T2 và anh Huỳnh Tấn Đ có quan hệ bà con với vợ chồng Võ Thanh X và Cao Kỳ G. Anh T2 và anh Đ (do mẹ đẻ là bà Trần Thị H1, đã chết) thông qua Võ Thanh X, Cao Kỳ G đưa tiền cho X, G nhờ tìm người xin không thực hiện nghĩa vụ.

Vào khoảng giữa tháng 9/2021, Võ Thanh X và Cao Kỳ G thông qua người quen nên biết thông tin bị cáo T có khả năng xin chuyển công tác và xin không tham gia nghĩa vụ nên X và G xin số điện thoại liên hệ gặp bị cáo T. Khi gặp nhau, X và G có nhờ bị cáo T xin không tham gia nghĩa vụ quân sự cho anh Nguyễn Quốc T2 và anh Huỳnh Tấn Đ. Bị cáo T yêu cầu X đưa số tiền 100.000.000đồng, trong đó; T2 đưa số tiền 40.000.000đồng và Đ đưa số tiền 60.000.000đồng.

1.2. Đối với Võ Văn L1: Anh Võ Văn L1 nhờ bạn là Trần T3 (công tác tại Cảnh sát biển Vùng 2) đặt vấn đề nhờ Võ Thanh X, Cao Kỳ G tìm người chạy chuyển công tác cho Võ Văn L1 từ Sư đoàn C chuyển về Ban Chỉ huy quân sự huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Võ Thanh X nói lại với anh T3 là bị cáo T yêu cầu đưa số tiền 100.000.000đồng. Sau đó, anh Trần T3 nhiều lần chuyển tiền cho Võ Thanh X tổng cộng 100.000.000đồng.

Vì tin tưởng bị cáo T có khả năng lo chạy việc được cho các trường hợp trên nên X, G đã đưa cho bị cáo T 03 lần tiền mặt (02 lần tại quán cafe trên đường H lần 1 là 30.000.000đồng và lần 2 là 25.000.000đồng; đưa tại khu vực trước Ban C1 với số tiền 60.000.000đồng và nhận tiền qua tài khoản 02 lần với tổng số tiền 69.000.000đồng; tổng cộng: bị cáo T đã chiếm đoạt nhiều lần của Võ Thanh X, Cao Kỳ G số tiền **184.000.000đồng**. Khi nhận tiền bị cáo T hứa hẹn đến hết quý I năm 2022 sẽ xin được việc cho những trường hợp trên nhưng đến thời hạn cam kết X, G liên lạc hỏi về kết quả thì bị cáo T nhiều lần đưa ra thông tin gian dối nhằm kéo dài thời gian và chiếm đoạt tiền của G, X.

Do không lo chạy được việc cho T2, Đ không thực hiện nghĩa vụ quân sự nên anh T2 và bà H1 (mẹ của Đ) yêu cầu G trả lại tiền. Vào khoảng tháng 3 và tháng 4 năm 2022, X, G đã trả lại đủ số tiền đã nhận cho anh T2 và bà H1 (mẹ đẻ của anh Đ).

Đến hết quý I năm 2022, do không lo chạy được việc chuyển công tác cho anh L1 nên anh T3 yêu cầu X trả lại tiền. Đến tháng 8/2022, Võ Thanh X đã trả lại cho anh Trần T3 số tiền 100.000.000 đồng.

Đến ngày 15/12/2022, Cao Kỳ G gửi đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Q tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo T như trên.

Quá trình điều tra, bị cáo T đã khắc phục cho Võ Thanh X, Cao Kỳ G số tiền 104.000.000 đồng.

2. Đối với bị hại Nguyễn Tú A:

Anh Nguyễn Tú A công tác tại Sư đoàn C ở tỉnh Quảng Ngãi. Vào khoảng đầu tháng 5/2022, anh Nguyễn Tú A nghe thông tin từ những người quen về việc bị cáo T có khả năng xin chuyển đơn vị trong Quân đội nên đã xin số điện thoại và đặt vấn đề nhờ bị cáo T xin chuyển công tác từ Sư đoàn C về công tác tại Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Q. Bị cáo T yêu cầu anh Nguyễn Tú A đưa số tiền **100.000.000 đồng** và cam kết đến tháng 10/2022 sẽ có quyết định chuyển công tác cho anh Tú A, tin tưởng là thật nên bị hại A đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của bị cáo T. Sau khi nhận được tiền, bị cáo T đã chiếm đoạt số tiền trên, sử dụng chi tiêu cá nhân và không thực hiện đúng như những gì đã hứa với anh Nguyễn Tú A.

Quá trình điều tra, bị cáo T đã khắc phục cho anh Nguyễn Tú A số tiền 30.000.000 đồng.

3. Đối với bị hại Ngô Quang V:

Khoảng đầu tháng 7/2022, anh **Ngô Quang V** công tác tại **Sư đoàn C** ở tỉnh Quảng Ngãi nghe bị cáo **Nguyễn Tú A** (người cùng đơn vị công tác) giới thiệu về việc nghe bị cáo **T** có khả năng xin chuyển công tác nên anh **V** xin số điện thoại và tự liên hệ với bị cáo **T**. Qua trao đổi bằng điện thoại, bị cáo **T** đưa ra thông tin gian dối, tự giới thiệu có khả năng xin chuyển công tác từ đơn vị này đến đơn vị khác nên anh **V** nhờ bị cáo **T** chuyển công tác từ **Sư đoàn C** về công tác tại **Bộ chỉ huy quân sự tỉnh B**, thì bị cáo **T** yêu cầu anh **V** đưa số tiền **110.000.000 đồng** và cam kết đến tháng 10/2022 sẽ có quyết định chuyển công tác. Vì tin tưởng bị cáo có khả năng xin chuyển công tác nên anh **V** chuyển số tiền trên vào tài khoản của bị cáo **T**. Sau khi nhận được tiền, bị cáo **T** đã chiếm đoạt số tiền trên, sử dụng chi tiêu cá nhân và không thực hiện đúng như những gì đã hứa với anh **V**.

Quá trình điều tra, bị cáo **T** đã khắc phục cho anh **Ngô Quang V** số tiền 30.000.000 đồng.

4. Đối với bị hại Trần Phước T4:

Khoảng đầu tháng 4/2022, thông qua người quen ở cùng quê giới thiệu bị cáo **Nguyễn Hữu T** có khả năng xin chuyển công tác trong Quân đội. Anh **Trần Phước T4** xin số điện thoại và liên hệ nhờ bị cáo **T** xin chuyển công tác từ **Sư đoàn C2** tỉnh Quảng Ngãi về công tác tại **Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Q**. Bị cáo **T** đồng ý và yêu cầu anh **T4** đưa số tiền **100.000.000 đồng** và cam kết đến tháng 8/2022 sẽ có quyết định điều chuyển công tác. Đến tháng 8/2022, bị cáo **T** điện thoại nói có khó khăn khi chuyển công tác nên yêu cầu anh **T4** chuyển thêm số tiền **20.000.000 đồng**. Bị cáo **T** đã chiếm đoạt của anh **T4** tổng cộng số tiền **120.000.000 đồng**.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra – **Công an tỉnh Q** đã tạm giữ các vật chứng, đồ vật, tài sản có liên quan sau: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu “Vsmart”, số Imel: 351726111930744; số Imel 2: 351726111930751; 01 thẻ SIM Viettel, số thẻ sim 8984048000051008483.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số **88/2024/HS-ST** ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

1. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố **Nguyễn Hữu T** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: **Nguyễn Hữu T** 07 (B1) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/5/2023 đến nay.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo **T** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt trong thời hạn luật định.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HXXĐ không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo **Nguyễn Hữu T**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Sau khi xét xử phúc thẩm các bị cáo có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên HĐXX tiến hành xét xử phúc thẩm theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung*: Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Nguyễn Hữu T** thì thấy:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Nguyễn Hữu T** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xác định nội dung bản án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo **Nguyễn Hữu T** có đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật. Để có tiền tiêu xài cho bản thân, từ tháng 09/2021 đến tháng 10/2022, bị cáo **T** đã có hành vi gian dối nói với **Võ Thanh X**, **Cao Kỳ G** là bị cáo có mối quan hệ với người có chức vụ trong quân đội, có thể lo chạy không đi nghĩa vụ quân sự cho anh **Nguyễn Quốc T2**, anh **Huỳnh Tấn Đ**; nói với anh **Võ Thanh X**, chị **Cao Kỳ G** là bị cáo có khả năng xin chuyển đơn vị công tác trong quân đội cho anh **Võ Văn L1**; nói với anh **Nguyễn Tú A**, **Ngô Quang V** và **Trần Phước T4** là bị cáo có khả năng xin chuyển đơn vị công tác trong quân đội cho các anh và yêu cầu các bị hại đưa tiền cho bị cáo để lo chạy việc như trên. Tuy nhiên, bị cáo không có mối quan hệ, không có khả năng lo chạy việc theo yêu cầu của những người trên nên không thực hiện được như lời hứa mà chiếm đoạt tiền của các bị hại với tổng số tiền **514.000.000đồng**.

Hành vi phạm tội của bị cáo **Nguyễn Hữu T** như trên đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nên đã áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng trong khung hình phạt liền kề cho bị cáo là đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sớm hòa nhập cộng đồng, sửa chữa sai lầm của mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí HSPT theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 355, điều 356 BLTTHS

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Nguyễn Hữu T**, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số **88/2024/HS-ST** ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Tuyên bố **Nguyễn Hữu T** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: **Nguyễn Hữu T** 07 (B1) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/5/2023.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

4. Các quyết định của bản án sơ thẩm về phần án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng